



Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số	0102004703	ngày 11 tháng 3 năm 2002
	0103018927	ngày 8 tháng 8 năm 2007
	0101217009	ngày 25 tháng 5 năm 2010

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số	0101217009	ngày 4 tháng 11 năm 2010
--------------------------------	------------	--------------------------

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần, và lần sửa đổi, bổ sung gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101217009 ngày 25 tháng 7 năm 2016. Các giấy chứng nhận đăng ký trên và các bản sửa đổi, bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký

Hoạt động Chi nhánh	0101217009-001	ngày 8 tháng 5 năm 2014
	0101217009-002	ngày 21 tháng 8 năm 2014
	0101217009-007	ngày 3 tháng 10 năm 2014
	0101217009-008	ngày 21 tháng 10 năm 2014
	0101217009-009	ngày 13 tháng 11 năm 2014
	0101217009-010	ngày 24 tháng 11 năm 2014
	0101217009-011	ngày 8 tháng 12 năm 2014
	0101217009-012	ngày 5 tháng 3 năm 2015
	0101217009-013	ngày 13 tháng 8 năm 2015
	0101217009-014	ngày 29 tháng 9 năm 2015
	0101217009-015	ngày 26 tháng 10 năm 2015
	0101217009-016	ngày 5 tháng 11 năm 2015
	0101217009-017	ngày 16 tháng 11 năm 2015 (sửa đổi lần 2: ngày 18 tháng 7 năm 2016)
	0101217009-018	ngày 1 tháng 12 năm 2015
	0101217009-019	ngày 14 tháng 6 năm 2016 (sửa đổi lần 2: ngày 27 tháng 10 năm 2016)
	0101217009-020	ngày 22 tháng 6 năm 2016
	0101217009-021	ngày 9 tháng 9 năm 2016
	0101217009-022	ngày 13 tháng 9 năm 2016
	0101217009-023	ngày 20 tháng 9 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký

Địa điểm Kinh doanh	Mã số địa điểm kinh doanh 00010	ngày 15 tháng 7 năm 2015 (chấm dứt ngày 7 tháng 11 năm 2016)
	Mã số địa điểm kinh doanh 00011	ngày 25 tháng 9 năm 2015
	Mã số địa điểm kinh doanh 00012	ngày 2 tháng 10 năm 2015
	Mã số địa điểm kinh doanh 00013	ngày 4 tháng 1 năm 2016
	Mã số địa điểm kinh doanh 00015	ngày 1 tháng 8 năm 2016
	Mã số địa điểm kinh doanh 00016	ngày 29 tháng 7 năm 2016
	Mã số địa điểm kinh doanh 00017	ngày 19 tháng 8 năm 2016
	Mã số địa điểm kinh doanh 00018	ngày 23 tháng 9 năm 2016
	Mã số địa điểm kinh doanh 00019	ngày 27 tháng 9 năm 2016
	Mã số địa điểm kinh doanh 00020	ngày 10 tháng 11 năm 2016
	Mã số địa điểm kinh doanh 00021	ngày 10 tháng 11 năm 2016

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Các Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động Chi nhánh và Giấy Chứng nhận Đăng ký Địa điểm Kinh doanh trên được cấp bởi các Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh và thành phố Công ty có chi nhánh và địa điểm kinh doanh.

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Xuân Kiên	Chủ tịch
	Bà Đỗ Thị Thu Hương	Thành viên
	Ông Okawa Yoshiteru	Thành viên
	Ông Noguchi Atsushi	Thành viên
	Ông Nghiêm Xuân Thắng	Thành viên
	Ông Hoàng Anh Tuấn	Thành viên
	Ông Bùi Xuân Hùng	Thành viên
	Bà Đỗ Thị Kim Liên	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Trần Xuân Kiên	Tổng Giám đốc
	Bà Đỗ Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nghiêm Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Tín Nhiệm	Phó Tổng Giám đốc
		<i>(đến ngày 29 tháng 12 năm 2016)</i>
Trụ sở đăng ký	1174 Đường Láng, Phường Láng Thượng Quận Đống Đa Hà Nội, Việt Nam	
Chi nhánh	Chi nhánh Ninh Bình 1 Lê Hồng Phong, Phường Vân Giang Thành phố Ninh Bình Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	
	Chi nhánh Nam Định 107 Quốc lộ 10, Xã Lộc Hòa Thành phố Nam Định Tỉnh Nam Định, Việt Nam	
	Chi nhánh Bắc Ninh 33 Lý Thái Tổ, Phường Ninh Xá Thành phố Bắc Ninh Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	
	Chi nhánh Phú Thọ 1606A Hùng Vương, Phường Gia Cẩm Thành phố Việt Trì Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	
	Chi nhánh Nghệ An 343 Lê Duẩn, Phường Trung Đô Thành phố Vinh Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	
	Chi nhánh Hải Dương Khu 15, Nguyễn Lương Bằng, Phường Phạm Ngũ Lão Thành phố Hải Dương Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

- Chi nhánh (tiếp theo)**
- Chi nhánh Hải Phòng
279 Trần Nguyên Hãn, Phường Nghĩa Xá
Quận Lê Chân
Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

 - Chi nhánh Bắc Giang
1 Hùng Vương, Phường Hoàng Văn Thụ
Thành Phố Bắc Giang
Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

 - Chi nhánh Thái Bình
456 Lý Bôn, Phường Đề Thám
Thành phố Thái Bình
Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

 - Chi nhánh Thanh Hóa
490 Đại Lộ Lê Lợi, Phường Đông Hương
Thành phố Thanh Hóa
Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

 - Chi nhánh Vĩnh Phúc
Thôn Đôn Hậu, Phường Khai Quang
Thành phố Vĩnh Yên
Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

 - Chi nhánh Hà Nam
Khu TM4 Quốc Lộ 1A, Phường Thanh Châu
Thành phố Phủ Lý
Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

 - Chi nhánh Quảng Ninh
Tổ 5, Khu Hòa Lạc, Phường Cẩm Bình
Thành phố Cẩm Phả
Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

 - Chi nhánh Lạng Sơn
Tổ 4, Khối 5, Thị trấn Cao Lộc
Huyện Cao Lộc
Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

 - Chi nhánh Yên Bái
319 Nguyễn Thái Học, Tổ 69, Phường Nguyễn Thái Học
Thành phố Yên Bái
Tỉnh Yên Bái, Việt Nam

 - Chi nhánh Đà Nẵng
727 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Khuê Trung
Quận Cẩm Lệ
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Chi nhánh (tiếp theo) Chi nhánh Quảng Bình
22 Quang Trung, Phường Hải Đình
Thành phố Đồng Hới
Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

Chi nhánh Hà Tĩnh
173 Hà Huy Tập, Phường Nam Hà
Thành phố Hà Tĩnh
Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Chi nhánh Quảng Trị
246 Lê Duẩn, Phường Đông Lễ
Thành phố Đông Hà
Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Báo cáo của Ban Giám đốc

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 8 đến trang 34, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Phê duyệt báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Đỗ Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 8 đến 34.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-017



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2017

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2014-007-1

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.142.655.872.784	785.679.655.952
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	65.506.420.645	70.832.177.821
Tiền	111		51.476.095.978	42.778.352.822
Các khoản tương đương tiền	112		14.030.324.667	28.053.824.999
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		308.387.500	300.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	308.387.500	300.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.887.783.924	14.670.398.946
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		7.187.256.469	3.316.781.754
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.667.113.676	7.163.010.854
Phải thu ngắn hạn khác	136		23.033.413.779	4.190.606.338
Hàng tồn kho	140	6	958.801.525.067	623.302.230.250
Hàng tồn kho	141		967.291.575.984	629.529.264.037
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.490.050.917)	(6.227.033.787)
Tài sản ngắn hạn khác	150		82.151.755.648	76.574.848.935
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11(a)	14.070.169.898	28.011.951.035
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	12(a)	68.081.585.750	48.208.111.360
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	354.786.540

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		269.286.764.308	153.166.997.586
Các khoản phải thu dài hạn	210		55.468.817.251	42.167.873.144
Phải thu dài hạn khác	216	7	55.468.817.251	42.167.873.144
Tài sản cố định	220		107.864.158.397	63.133.732.500
Tài sản cố định hữu hình	221	8	105.049.866.108	60.202.235.348
Nguyên giá	222		150.632.764.390	85.019.621.116
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.582.898.282)	(24.817.385.768)
Tài sản cố định vô hình	227	9	2.814.292.289	2.931.497.152
Nguyên giá	228		6.988.280.981	5.300.780.981
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.173.988.692)	(2.369.283.829)
Tài sản dở dang dài hạn	240		15.823.564.566	19.117.583.763
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	15.823.564.566	19.117.583.763
Tài sản dài hạn khác	260		90.130.224.094	28.747.808.179
Chi phí trả trước dài hạn	261	11(b)	90.130.224.094	28.747.808.179
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.411.942.637.092	938.846.653.538

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.125.658.552.029	651.508.361.897
Nợ ngắn hạn	310		1.122.658.552.029	651.508.361.897
Phải trả người bán ngắn hạn	311		559.180.331.866	314.840.298.102
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.051.631.566	5.926.718.796
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12(b)	987.787.865	777.286.536
Phải trả người lao động	314		23.852.281.569	18.284.917.788
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	13.999.665.620	5.326.215.850
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	8.985.395.373	5.345.095.982
Vay ngắn hạn	320	15	504.571.340.417	300.948.100.232
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	30.117.753	59.728.611
Nợ dài hạn	330		3.000.000.000	-
Vay dài hạn	338	15	3.000.000.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		286.284.085.063	287.338.291.641
Vốn chủ sở hữu	410	17	286.284.085.063	287.338.291.641
Vốn góp cổ phần	411	18	249.149.910.000	226.594.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		249.149.910.000	226.594.320.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		7.168.804.418	29.769.848.963
Cổ phiếu quỹ	415	18	(2.333.755.096)	(2.333.755.096)
Quỹ đầu tư phát triển	418	19	10.082.930.218	10.082.930.218
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.216.195.523	23.224.947.556
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		668.129.556	8.637.882.524
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		21.548.065.967	14.587.065.032
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.411.942.637.092	938.846.653.538

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:


 Lưu Văn Lam
 Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:


 Đỗ Thị Ngọc Anh
 Kế toán trưởng



 Đỗ Thị Thu Hương
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng	01	22	4.116.120.793.762	3.346.411.912.691
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		17.769.908.188	23.747.577.150
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10		4.098.350.885.574	3.322.664.335.541
Giá vốn hàng bán	11		3.613.481.913.378	2.973.880.774.898
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		484.868.972.196	348.783.560.643
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.944.360.845	3.226.954.891
Chi phí tài chính	22		16.219.853.929	7.546.057.888
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.219.853.929	7.546.057.888
Chi phí bán hàng	25	24	398.654.400.840	287.991.131.168
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	45.394.193.287	40.005.532.657
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		26.544.884.985	16.467.793.821
Thu nhập khác	31		2.451.627.526	7.610.825.471
Chi phí khác	32		931.181.897	5.326.088.390
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.520.445.629	2.284.737.081
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		28.065.330.614	18.752.530.902
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	6.517.264.647	4.165.465.870
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		21.548.065.967	14.587.065.032
Lãi trên cổ phiếu				Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	868	588

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Luu Văn Lam
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Đỗ Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ bán hàng	01		4.508.973.915.313	3.656.754.659.182
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(4.419.165.336.921)	(3.604.417.293.075)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(150.961.487.962)	(118.127.151.246)
Tiền lãi vay đã trả	04		(15.940.908.378)	(7.411.254.068)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(6.322.429.736)	(755.827.429)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		19.713.696.735	13.662.927.138
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(55.282.919.925)	(28.516.052.458)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(118.985.470.874)	(88.809.991.956)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(75.733.507.029)	(51.950.933.333)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.600.000.000	3.516.914.906
Gửi tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 3 tháng	23		(8.387.500)	(6.467.691.692)
Rút tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 3 tháng	26		-	25.698.358.358
Tiền thu lãi tiền gửi	27		1.767.360.537	1.954.764.428
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(70.374.533.992)	(27.248.587.333)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ	32		-	(150.000.000)
Tiền thu từ đi vay	33		1.308.405.409.994	646.463.614.412
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.101.782.169.809)	(469.894.637.459)
Tiền trả cổ tức	36		(22.543.537.950)	(17.768.918.350)
Tiền trả chi phí phát hành cổ phiếu thưởng			(45.454.545)	(81.818.181)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		184.034.247.690	158.568.240.422
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(5.325.757.176)	42.509.661.133
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4	70.832.177.821	28.322.516.688
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	65.506.420.645	70.832.177.821

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Luu Văn Lam
 Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Đỗ Thị Ngọc Anh
 Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thu Hương
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 19 chi nhánh và 1.929 nhân viên (1/1/2016: 14 chi nhánh và 2.262 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 10 năm
▪ nâng cấp, sửa chữa và thi công siêu thị	3 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 7 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(ii) Chi phí trả trước tiền thuê

Chi phí trả trước tiền thuê thể hiện các khoản chi phí trả trước tiền thuê trong thời gian thuê trên 12 tháng. Các khoản trả trước này là các khoản thuê hoạt động. Chính sách kế toán cho các khoản thuê hoạt động được trình bày trong Thuyết minh 3(o).

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh, là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông, và một khu vực địa lý, là Việt Nam.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	22.867.207.576	10.067.448.497
Tiền gửi ngân hàng	24.601.758.110	30.279.678.489
Tiền đang chuyển	4.007.130.292	2.431.225.836
Các khoản tương đương tiền	14.030.324.667	28.053.824.999
	<hr/>	<hr/>
	65.506.420.645	70.832.177.821

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng với kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

6. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ và dụng cụ	3.018.502.606	-	779.825.184	-
Thành phẩm	-	-	2.108.875.100	(4.224.585)
Hàng hóa	964.273.073.378	(8.490.050.917)	626.640.563.753	(6.222.809.202)
	<u>967.291.575.984</u>	<u>(8.490.050.917)</u>	<u>629.529.264.037</u>	<u>(6.227.033.787)</u>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 200.417 triệu VND thành phẩm và hàng hóa (1/1/2016: 91.716 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Phải thu dài hạn khác

Phải thu dài hạn khác bao gồm các khoản đặt cọc thuê các siêu thị của Công ty.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Nâng cấp, sửa chữa và thi công siêu thị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	27.771.953.392	7.263.812.772	15.482.034.078	34.501.820.874	85.019.621.116
Tăng trong năm	397.635.436	944.097.266	4.535.989.090	9.793.884.526	15.671.606.318
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	18.395.642.756	1.678.339.894	4.084.015.277	30.097.283.100	54.255.281.027
Thanh lý	(1.457.020.719)	(800.334.215)	-	(2.056.389.137)	(4.313.744.071)
Số dư cuối năm	45.108.210.865	9.085.915.717	24.102.038.445	72.336.599.363	150.632.764.390
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.425.538.089	2.254.596.186	5.264.559.241	10.872.692.252	24.817.385.768
Khấu hao trong năm	6.735.380.825	2.487.146.548	2.239.142.970	10.530.558.307	21.992.228.650
Thanh lý	(382.288.460)	(309.464.087)	-	(534.963.589)	(1.226.716.136)
Số dư cuối năm	12.778.630.454	4.432.278.647	7.503.702.211	20.868.286.970	45.582.898.282
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	21.346.415.303	5.009.216.586	10.217.474.837	23.629.128.622	60.202.235.348
Số dư cuối năm	32.329.580.411	4.653.637.070	16.598.336.234	51.468.312.393	105.049.866.108

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có một số tài sản với nguyên giá 8.801 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 4.980 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 4.924 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty.

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	5.300.780.981
Tăng trong năm	120.000.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.567.500.000
	<hr/>
Số dư cuối năm	6.988.280.981
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.369.283.829
Khấu hao trong năm	1.804.704.863
	<hr/>
Số dư cuối năm	4.173.988.692
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	2.931.497.152
Số dư cuối năm	2.814.292.289
	<hr/> <hr/>

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có một số tài sản với nguyên giá 608 triệu VND đã khấu hao hết (1/1/2016: 608 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	19.117.583.763	13.226.157.706
Tăng trong năm	79.548.023.711	55.530.344.778
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(54.255.281.027)	(37.317.670.092)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.567.500.000)	(1.603.056.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(26.117.523.784)	(10.040.328.187)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(901.738.097)	(677.864.442)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	15.823.564.566	19.117.583.763
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Sửa chữa nâng cấp siêu thị	14.501.135.460	18.342.804.657
Chi phí phát triển phần mềm	1.322.429.106	774.779.106
	15.823.564.566	19.117.583.763

11. Chi phí trả trước**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí công cụ và dụng cụ	1.205.282.115	840.522.228
Chi phí trả trước tiền thuê siêu thị	8.973.100.352	24.403.282.934
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.891.787.431	2.768.145.873
	14.070.169.898	28.011.951.035

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước tiền thuê VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	21.987.271.285	-	6.760.536.894	28.747.808.179
Tăng trong năm	27.394.636.442	49.736.613.032	2.299.655.474	79.430.904.948
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	21.782.117.454	-	4.335.406.330	26.117.523.784
Thanh lý	(137.965.737)	-	(84.443.460)	(222.409.197)
Phân bổ trong năm	(26.226.234.824)	(10.949.552.406)	(6.767.816.390)	(43.943.603.620)
	44.799.824.620	38.787.060.626	6.543.338.848	90.130.224.094

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

(a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2016 VND	Số phát sinh trong năm VND	Bù trừ với số phải nộp VND	Số được hoàn trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	48.208.111.360	774.621.803.496	(738.245.245.973)	(16.503.083.133)	68.081.585.750

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Bù trừ với số phải thu VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	747.708.198.804	(738.245.245.973)	(9.462.952.831)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	773.086.536	6.517.264.647	-	(6.322.429.736)	967.921.447
Thuế thu nhập cá nhân	4.200.000	3.557.282.256	-	(3.541.615.838)	19.866.418
Thuế nhà thầu	-	138.603.307	-	(138.603.307)	-
	777.286.536	757.921.349.014	(738.245.245.973)	(19.465.601.712)	987.787.865

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trích trước tiền điện	1.578.925.150	1.427.246.819
Trích trước chi phí thuê địa điểm	647.510.550	205.000.000
Trích trước chi phí dịch vụ thuê ngoài	4.780.052.836	1.520.291.694
Các khoản trích trước khác	6.993.177.084	2.173.677.337
	13.999.665.620	5.326.215.850

14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Cổ tức phải trả	101.622.277	88.342.227
Nhận ký quỹ	6.910.697.164	5.028.048.163
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.973.075.932	228.705.592
	8.985.395.373	5.345.095.982

15. Các khoản vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2016 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	300.948.100.232	1.304.405.409.994	(1.101.582.169.809)	503.771.340.417
Vay dài hạn đến hạn trả 15(b)	-	800.000.000	-	800.000.000
	300.948.100.232	1.305.205.409.994	(1.101.582.169.809)	504.571.340.417

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ ngân hàng chịu lãi suất từ 4,5% tới 6,3% (2015: từ 4,8% tới 6,7%) một năm và được đảm bảo bằng một số khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay dài hạn	3.800.000.000	-
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	(800.000.000)	-
	<hr/>	
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	3.000.000.000	-
	<hr/> <hr/>	

Vay dài hạn thể hiện khoản vay từ ngân hàng chịu lãi suất 8,6% một năm và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định với giá trị còn lại là 4.924 triệu VND (Thuyết minh 8).

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	59.278.611	75.628.611
Sử dụng trong năm	(29.160.858)	(15.900.000)
	<hr/>	
Số dư cuối năm	30.117.753	59.728.611
	<hr/> <hr/>	

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2015	178.584.370.000	77.861.617.144	(2.183.755.096)	10.082.930.218	8.637.882.524	272.983.044.790
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	14.587.065.032	14.587.065.032
Cổ phiếu thưởng phát hành từ thặng dư vốn cổ phần (*)	48.009.950.000	(48.009.950.000)	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	(150.000.000)	-	-	(150.000.000)
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(81.818.181)	-	-	-	(81.818.181)
Số dư tại ngày 1/1/2016	226.594.320.000	29.769.848.963	(2.333.755.096)	10.082.930.218	23.224.947.556	287.338.291.641
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	21.548.065.967	21.548.065.967
Cổ phiếu thưởng phát hành từ thặng dư vốn cổ phần (*)	22.555.590.000	(22.555.590.000)	-	-	-	-
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(45.454.545)	-	-	-	(45.454.545)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	(22.556.818.000)	(22.556.818.000)
Số dư tại ngày 31/12/2016	249.149.910.000	7.168.804.418	(2.333.755.096)	10.082.930.218	22.216.195.523	286.284.085.063

(*) Trong năm, Công ty phát hành 2.255.559 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn thặng dư vốn cổ phần. Việc phát hành này đã được các cổ đông của Công ty phê duyệt thông qua Đại hội Cổ đông ngày 29 tháng 4 năm 2016 (cổ phiếu phát hành từ nguồn thặng dư vốn cổ phần trong năm 2015: 4.800.995 cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Vốn cổ phần được duyệt	24.914.991	249.149.910.000	22.659.432	226.594.320.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	24.914.991	249.149.910.000	22.659.432	226.594.320.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(102.614)	(1.026.140.000)	(102.614)	(1.026.140.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	24.812.377	248.123.770.000	22.556.818	225.568.180.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2016		2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	22.556.818	225.568.180.000	17.781.921	177.819.210.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	-	(15.000)	(150.000.000)
Cổ phiếu thưởng phát hành trong năm	2.255.559	22.555.590.000	4.800.995	48.009.950.000
Thu hồi cổ phiếu thưởng trong năm	-	-	(11.098)	(110.980.000)
Số dư cuối năm	24.812.377	248.123.770.000	22.556.818	225.568.180.000

19. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Cổ tức**

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty số 01/2016/NQ-TAG-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2016 đã quyết định trả cổ tức năm 2015 bằng tiền với tỷ lệ 10% mệnh giá. Khoản cổ tức này đã được thanh toán cho các cổ đông trong tháng 7 năm 2016.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong một năm	122.602.050.713	107.620.789.804
Trong hai đến năm năm	402.272.433.017	346.538.616.348
Sau năm năm	345.589.962.482	323.157.196.905
	870.464.446.212	777.316.603.057

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	97.870	2.221.046.279	89.001	1.910.709.848

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	11.835.522.596	10.782.130.092

22. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi	1.854.631.217	1.650.174.227
Lãi chênh lệch tỷ giá	89.729.628	1.576.780.664
	<hr/>	<hr/>
	1.944.360.845	3.226.954.891
	<hr/>	<hr/>

24. Chi phí bán hàng

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	155.343.957.338	119.452.169.356
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.193.142.620	11.802.749.458
Chi phí phân bổ công cụ và dụng cụ	25.182.789.815	12.704.783.265
Chi phí dịch vụ mua ngoài	171.424.084.627	127.381.705.649
Chi phí bán hàng khác	25.510.426.440	16.649.723.440
	<hr/>	<hr/>
	398.654.400.840	287.991.131.168
	<hr/>	<hr/>

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	33.129.672.698	30.283.068.192
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.603.790.893	1.814.024.838
Chi phí phân bổ công cụ và dụng cụ	1.043.445.009	715.506.411
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.908.246.673	5.310.193.366
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.709.038.014	1.882.739.850
	<hr/>	<hr/>
	45.394.193.287	40.005.532.657
	<hr/>	<hr/>

26. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	3.613.481.913.378	2.973.880.774.898
Chi phí nhân viên	188.473.630.036	149.735.237.548
Chi phí khấu hao và phân bổ công cụ và dụng cụ	50.023.168.337	27.037.063.972
Chi phí dịch vụ mua ngoài	177.332.331.300	132.691.899.015
Chi phí khác	28.219.464.454	18.532.463.290

27. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2016 VND	2015 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	5.638.767.684	4.165.465.870
Dự phòng thiếu trong những năm trước	878.496.963	-
	6.517.264.647	4.165.465.870

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	28.065.330.614	18.752.530.902
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	5.613.066.123	4.125.556.798
Chi phí không được khấu trừ thuế	25.701.561	39.909.072
Dự phòng thiếu trong những năm trước	878.496.963	-
	6.517.264.647	4.165.465.870

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2016 (2015: 22%).

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm kết thúc cùng ngày, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2016	2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (*)	21.548.065.967	14.587.065.032

(*) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông của Công ty không bao gồm số phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi vì quỹ này chưa được trích lập cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Công ty hiện chưa có kế hoạch phân bổ Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2016. Lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể giảm đi do ảnh hưởng của việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2016	2015
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu Đã điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	22.556.818	17.781.921
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ mua lại trong năm 2015	-	(2.425)
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng phát hành từ thặng dư vốn cổ phần trong năm 2015	-	4.800.995
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng thu hồi trong năm 2015	-	(11.098)
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng phát hành từ thặng dư vốn cổ phần trong năm 2016	2.255.559	2.255.559
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	24.812.377	24.824.952

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	31/12/2016	Năm kết thúc ngày	
	VND	31/12/2015	31/12/2015
		(Đã điều chỉnh lại)	(theo báo cáo trước đây)
		VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	868	588	646

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Các cổ đông		
Ông Trần Xuân Kiên		
Cổ phiếu thưởng (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	5.123.700.000	10.892.920.000
Cổ tức trả bằng tiền	5.123.709.000	4.034.417.000
Bà Đỗ Thị Thu Hương		
Cổ phiếu thưởng (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	4.837.720.000	10.284.920.000
Cổ tức trả bằng tiền	4.837.725.000	3.809.233.000
Nojima Corporation		
Cổ phiếu thưởng (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	6.981.350.000	14.842.240.000
Cổ tức trả bằng tiền	6.981.353.000	5.497.129.000
Thanh toán phí tư vấn	2.501.789.691	1.678.400.000
Bà Đỗ Thị Kim Liên		
Cổ phiếu thưởng (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	1.012.580.000	2.152.740.000
Cổ tức trả bằng tiền	1.012.588.000	797.314.000
Ông Hoàng Anh Tuấn		
Cổ phiếu thưởng (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	472.900.000	1.005.380.000
Cổ tức trả bằng tiền	472.904.000	372.366.000
Ông Nghiêm Xuân Thắng		
Cổ phiếu thưởng (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	173.990.000	369.900.000
Cổ tức trả bằng tiền	173.990.000	137.000.000
Ông Bùi Xuân Hùng		
Cổ phiếu thưởng (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	139.530.000	296.640.000
Cổ tức trả bằng tiền	139.533.000	109.869.000
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc		
Thù lao đã trả	8.071.549.470	7.736.524.258

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Sau khi kết thúc kỳ kế toán năm, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty, thông qua Nghị quyết số 01/2017/NQ-TAG-ĐHĐCĐ-BVB ngày 7 tháng 3 năm 2017, đã phê duyệt phương án tạm ứng cổ tức năm 2016 bằng tiền với tỷ lệ cổ tức tạm ứng là 8% mệnh giá từ lợi nhuận chưa phân phối.

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Lưu Văn Lam
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Đỗ Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc